



**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**  
**Số: 04-A5/VNM/2024**

**SẢN PHẨM DINH DƯỠNG - HƯƠNG**  
**VANI - OPTIMUM MAMA GOLD**

**2024**

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**  
**Số: 04-A5/VNM/2024**

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ Phần Sữa Việt Nam

Địa chỉ: 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028.54155555

Fax: 028.54161226

E-mail: vinamilk@vinamilk.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 0300588569

**II. Thông tin về sản phẩm**

**1. Tên sản phẩm: Sản phẩm dinh dưỡng - Hương Vani - Optimum Mama Gold**

**2. Thành phần:**

Bột sữa (sữa bột, chất béo sữa), chất xơ hòa tan (oligofructose (FOS) & inulin), đường, lactoza, đạm whey cô đặc, maltodextrin, bột kem thực vật, các khoáng chất (tricalci phosphat, kali citrat, maginesi oxyd, sắt pyrophosphat, sắt sulfat, kẽm sulfat, đồng sulfat, mangan sulfat, kali iodid, crôm clorid, natri molybdat, natri selenit), DHA từ dầu cá, cholin clorid, chất nhũ hóa (lecithin), các vitamin (natri ascorbat, E, niacin, calci D-pantothenat, B6, B1, A, acid folic, B2, K1, biotin, D3, B12), dầu thực vật, hương liệu (hương vani) tổng hợp dùng cho thực phẩm, *Bifidobacterium*, BB-12™ & *Lactobacillus rhamnosus*, LGG™, L-Carnitin tartrat, taurin, lutein.

**3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:**

**- Hộp thiếc:**

Hạn sử dụng: Xem dưới đáy hộp.

Ngày sản xuất: 02 năm trước Hạn sử dụng.

**- Gói sachet:**

Hạn sử dụng: Xem trên túi.

Ngày sản xuất: 01 năm trước Hạn sử dụng.

#### 4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

##### 4.1 Quy cách đóng gói:

Đóng gói với khối lượng tịnh: Hộp thiếc 400 g, Hộp thiếc 900 g và Gói Sachet 43 g (sai số định lượng phù hợp quy định Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ)

##### 4.2 Chất liệu bao bì:

- + Hộp thiếc: Sản phẩm được đóng trong bao bì hộp thiếc chuyên dùng, ghép kín, đảm bảo yêu cầu an toàn vệ sinh thực phẩm theo QCVN 12-3:2011/BYT.
- + Gói sachet: Sản phẩm được đóng trong bao bì túi nhôm, bên trong là lớp nhựa chuyên dùng, ghép kín, đảm bảo yêu cầu an toàn vệ sinh thực phẩm theo QCVN 12-1:2011/BYT.

#### 5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản phẩm của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam – Vinamilk

Sản xuất tại các nhà máy sau:

- Nhà Máy Sữa Dielac (ký hiệu D) - Khu CN Biên Hòa 1, Xa lộ Hà Nội, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Nhà Máy Sữa Bột Việt Nam (ký hiệu R) - Số 9, Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam-Singapore 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

### III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

### IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

#### 1. Theo quy định của các văn bản kỹ thuật:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm
- QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm

| TUỢT TỔNG GIÁM ĐỐC<br>GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH                                            |                                                                                                                                                                                                                                        |
|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | Digitally signed by<br>Nguyễn Quốc Khánh, Ky.<br>DN: cn=Nguyễn Quốc Khánh, o=Vinamilk, ou=Vinamilk, email=nguoikh@vinamilk.vn, c=VN                                                                                                    |
| NGUYỄN QUỐC KHÁNH                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                        |
| Digitally signed                                                                    |  <div>Digitally signed by<br/>Nguyễn Quốc Khánh, Ky.<br/>DN: cn=Nguyễn Quốc Khánh, o=Vinamilk, ou=Vinamilk, email=nguoikh@vinamilk.vn, c=VN</div> |
| Digitally signed                                                                    |  <div>Digitally signed by<br/>Nguyễn Quốc Khánh, Ky.<br/>DN: cn=Nguyễn Quốc Khánh, o=Vinamilk, ou=Vinamilk, email=nguoikh@vinamilk.vn, c=VN</div> |

SẢN PHẨM DINH DƯỠNG DÀNH CHO BÀ MẸ MANG THAI VÀ CHO CON BÚ HƯƠNG VANİ  
Optimum MAMA GOLD HT 900 g  
CODE DESIGN:D80MAR03

[illegible]

Digitally signed by Trần Công Ty CP. DN: cn=Trần Công Ty, o=CP, email=trancongty@cp.vn, c=VN

9. Printing Date: 11/13/2016 13:16:07

NGUYỄN QUỐC KHÁNH

- Thông tư số 24/2013/TT-BYT: Quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm
- Thông tư số 50/2016/TT-BYT: Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm

2. Tiêu chuẩn nhà sản xuất số: 04-A5/VNM/2024.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 01 năm 2024

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**



**Mai Kiều Liên**

SẢN PHẨM DINH DƯỠNG DÀNH CHO BÀ MẸ MANG THAI VÀ CHO CON BÚ HƯƠNG VANİ  
Optimum MAMA GOLD HT 400 g  
CODE DESIGN: D80MAM03

**THÀNH PHẦN (INGREDIENTS)**

Thành phần dinh dưỡng của sữa bột Vinamilk Gold được tính dựa trên cơ sở 100g bột sữa khô. Thành phần dinh dưỡng của sữa bột Vinamilk Gold được tính dựa trên cơ sở 100g bột sữa khô. Thành phần dinh dưỡng của sữa bột Vinamilk Gold được tính dựa trên cơ sở 100g bột sữa khô.

**THÀNH PHẦN DINH DƯỠNG (NUTRITIONAL INFORMATION)**

| Thành phần dinh dưỡng | Đơn vị | Giá trị dinh dưỡng |
|-----------------------|--------|--------------------|
| Calo                  | kJ     | 198                |
| Calo                  | kcal   | 47                 |
| Protein               | g      | 3.5                |
| Chất béo              | g      | 3.5                |
| Carbohydrate          | g      | 13.5               |
| Sodium                | mg     | 13.5               |
| Calcium               | mg     | 13.5               |
| Iron                  | mg     | 13.5               |
| Vitamin A             | mg     | 13.5               |
| Vitamin B1            | mg     | 13.5               |
| Vitamin B2            | mg     | 13.5               |
| Vitamin B6            | mg     | 13.5               |
| Vitamin C             | mg     | 13.5               |
| Vitamin D             | mg     | 13.5               |
| Vitamin E             | mg     | 13.5               |
| Vitamin K             | mg     | 13.5               |
| Vitamin B12           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B3            | mg     | 13.5               |
| Vitamin B5            | mg     | 13.5               |
| Vitamin B7            | mg     | 13.5               |
| Vitamin B9            | mg     | 13.5               |
| Vitamin B10           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B11           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B12           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B13           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B14           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B15           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B16           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B17           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B18           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B19           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B20           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B21           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B22           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B23           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B24           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B25           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B26           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B27           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B28           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B29           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B30           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B31           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B32           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B33           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B34           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B35           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B36           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B37           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B38           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B39           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B40           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B41           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B42           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B43           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B44           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B45           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B46           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B47           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B48           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B49           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B50           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B51           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B52           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B53           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B54           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B55           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B56           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B57           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B58           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B59           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B60           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B61           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B62           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B63           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B64           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B65           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B66           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B67           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B68           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B69           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B70           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B71           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B72           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B73           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B74           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B75           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B76           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B77           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B78           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B79           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B80           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B81           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B82           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B83           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B84           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B85           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B86           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B87           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B88           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B89           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B90           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B91           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B92           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B93           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B94           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B95           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B96           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B97           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B98           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B99           | mg     | 13.5               |
| Vitamin B100          | mg     | 13.5               |

**THÀNH PHẦN DINH DƯỠNG (NUTRITIONAL INFORMATION)**

| Thành phần dinh dưỡng | Đơn vị | Giá trị dinh dưỡng |
|-----------------------|--------|--------------------|
|-----------------------|--------|--------------------|

Digitally signed



Digitally signed



TUQ TỔNG GIÁM ĐỐC  
 GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH



NGUYỄN QUỐC KHÁNH